

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Cúc
2. Bà Hoàng Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hà Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị P, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Số CCCD: 006193000929. Cấp ngày 10/8/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn. (trước đây là Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn).

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là thôn N, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn)

- Bị đơn: Anh Hứa Văn C, sinh năm 1992. Có mặt.

Số CCCD: 020092011409. Cấp ngày 20/9/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (đại diện đối với quan hệ tranh chấp nuôi con, tài sản chung, nợ chung vợ chồng): Chị Hoàng Thị H, địa chỉ: Thôn R, xã C, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là thôn R, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn). Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nông Thị T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Triệu Thị Phương trình B:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị P và anh Hứa Văn C được tổ chức cưới theo phong tục tập quán trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sinh sống tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Từ tháng 10/2024 chị P sau khi đi chữa bệnh ung thư thì chuyển về gia đình nhà ngoại (bố mẹ đẻ) tại Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là thôn N, xã D, huyện N, tỉnh Bắc Kạn). Do tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hứa Văn C. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là cháu Hứa Trọng N, sinh ngày 01/02/2021. Hiện nay đang do anh Hứa Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con do hiện nay chị ở với bố mẹ có thể phụ chị chăm sóc con, không yêu cầu anh Hứa Văn C cấp dưỡng. Hiện nay chị đi làm thuê tại địa phương, thu nhập 300.000 đồng/ngày công. Làm thuê theo thời vụ, công việc không đều, có việc thì mới đi làm. Không có tài sản riêng, ở chung cùng bố mẹ. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

Bị đơn anh Hứa Văn C trình bày: Về quan hệ hôn nhân nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn về việc tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, thời gian sống ly thân và xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với chị Triệu Thị P. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có. Về con chung: Có 01 con chung như chị Triệu Thị Phương trình B. Tuy nhiên, anh không đồng ý quan điểm của chị Triệu Thị P. Anh Hứa Văn C yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu chị Triệu thị P cấp dưỡng với lý do hiện nay anh sống một mình, có nhà và tài sản đảm bảo cho cuộc sống hai bố con, anh đã cung cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố mẹ (đã chết) hiện do anh quản lý sử dụng. Quá trình sống ly thân anh vẫn chăm sóc tốt cho người con.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại công văn số 70/UBND-KT ngày 24/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã T xác nhận anh C hiện nay làm ruộng và làm thuê thu nhập hàng tháng được khoảng 4.000.000 đồng. Bố mẹ anh C đã chết, hiện nay toàn bộ tài sản gia đình do anh C quản lý. Từ nhà anh C đến trường khoảng 02km, đường bê tông. Quá trình nuôi dạy con phát triển bình thường. UBND xã không nhận được phản ánh tiêu cực về việc nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ chứng minh cho điều kiện để nuôi con. Nguyên đơn cung cấp giấy xác nhận thu nhập là 2.000.000 đồng/ tháng làm việc nhà, làm ruộng và làm thuê tại địa phương, thu nhập không đều.

Bà Triệu Thị L là mẹ của chị Triệu Thị P có đơn trình bày: Nhiều lần gọi điện thăm cháu, xin đón cháu về bên nhà ngoại chơi nhưng anh Hứa Văn C không cho và lấy dao đe dọa. Hiện nay khoảng cách từ nhà đến trường học là 2km, có thể phụ giúp chị P chăm sóc cháu và có nguyện vọng nếu Tòa án giao con cho chị P nuôi dưỡng, bà đồng ý cho chị P và cháu N ở cùng gia đình.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của nguyên đơn về yêu cầu nuôi con chung như đã nêu trên. Cung cấp bản ảnh cho rằng đường đi từ nhà anh C đến trường sạt lở khó khăn cho việc đi lại và cung cấp giấy xác nhận của trưởng thôn T, xã T là ông Hoàng Văn T1 xác nhận nội dung việc chị P đến thăm và đón con thì ông không biết và sau khi gọi điện lại cho bà T2 là chị dâu của anh C thì mới biết. Còn các nội dung anh C vừa đi làm vừa trông con, mỗi lần đi đâu là phải đưa con theo, cho con nghịch điện thoại là đúng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị P, xử cho chị Triệu Thị P được ly hôn với anh Hứa Văn C. Về con chung: Giao con chung là cháu Hứa Trọng N, sinh ngày 01/02/2021 cho anh Hứa Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị Triệu Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Các đương sự đều xác định không có nợ chung, tài sản chung vợ chồng nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định.

Luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu chấp nhận cho chị Triệu Thị Phương ly H1 với anh Hứa

Văn C; Về con chung yêu cầu giao con chung cho chị Triệu Thị P nuôi dưỡng với lý do chị P ở cùng bố mẹ có sự hỗ trợ về tài chính và điều kiện chăm sóc tốt, chị phương có thu nhập 2.000.000 đồng/ tháng có đủ điều kiện kinh tế và có bố mẹ phụ chăm sóc. Còn anh C thuộc hộ nghèo, sống một mình, không có người thân hỗ trợ việc chăm sóc con chung, hiện nay cháu N mới 04 tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại Thôn T, xã T, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có văn bản trình bày quan điểm đối với vụ án. Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Do đó, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1, 2 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị P và anh Hứa Văn C được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp, đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân từ tháng 10/2024. Tại phiên tòa anh Hứa Văn C giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn. Do đó, xác định hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho Triệu Thị P được ly hôn với anh Hứa Văn C.

[4] Về con chung: Các đương sự đều thừa nhận có 01 con chung là cháu Hứa Trọng N, sinh ngày 01/02/2021. Các đương sự đều yêu cầu nhận quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi sống ly thân, con chung do anh C trực tiếp nuôi dưỡng và phát triển bình thường.

[5] Xét về điều kiện kinh tế, anh C hiện nay sống một mình có nhà cửa và tài sản để lao động tăng thu nhập và có mức thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/ tháng có xác nhận của UBND xã T. Chị Triệu Thị Phương M thu nhập 2.000.000 đồng/ tháng, không có tài sản riêng sống nhờ nhà bố mẹ đẻ.

[6] Chị Triệu Thị P không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc ngăn cản thăm nom con chung của anh Hứa Văn C. Hiện nay sức khỏe của anh C bình thường, bản thân chị Triệu Thị P đã điều trị bệnh nhưng chưa có giấy tờ xác nhận tình trạng sức khỏe.

[7] Việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa cho rằng đường đi không đảm bảo an toàn cho việc đưa đón đi học là chưa có căn cứ. Căn cứ vào công văn của UBND xã T xác định đường đến trường là đường bê tông. Việc cho con chơi điện thoại hiện nay đang là tình trạng phổ biến nhưng không có căn cứ chứng minh hậu quả của việc dùng điện thoại đang làm ảnh hưởng đến việc phát triển của con chung.

[8] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy quá trình sống ly thân việc chăm sóc nuôi dưỡng đều do anh Hứa Văn C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng phát triển bình thường phù hợp với biên bản xác minh của UBND xã T. Chị P không có tài sản, lao động thu nhập không ổn định, để đảm bảo môi trường sống ổn định cho sự phát triển của con chung và việc chăm sóc phù hợp với giới tính. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ giao con chung cho anh Hứa Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[9] Về cấp dưỡng: Do con chung được giao cho anh Hứa Văn C nuôi dưỡng và có quan điểm không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Triệu Thị P không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

[10] Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có văn bản thể hiện không có tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[11] Về án phí: Nguyên đơn Triệu Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, chị Triệu Thị P là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Triệu Thị P.

[12] Quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[13] Luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về phần các quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung vợ chồng phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với phần con chung không phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị P được ly hôn với anh Hứa Văn C (giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 19/10/2018 của UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nay là UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hứa Trọng N, sinh ngày 01/02/2021 cho anh Hứa Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị Triệu Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp cần thiết sau khi ly hôn hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị P được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn, người đại diện hợp pháp của đương sự (đối với phần tranh chấp con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chồng) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Thiện Long, tỉnh Lạng Sơn (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Nam Toàn